| QUỐC HỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Nghị quyết số: /2026/QH16

**Dự thảo**

# NGHỊ QUYẾT

**Ban hành chính sách đặc thù về xử lý tiền thuế nợ để tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế trong thực hiện luật quản lý thuế nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách về trao đổi thông tin theo yêu cầu**

## QUỐC HỘI

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;*

## QUYẾT NGHỊ:

### Chương I
### QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định việc xử lý tiền thuế nợ gồm:

1. Xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp của khoản nợ lệ phí môn bài.

2. Miễn việc khai, nộp lệ phí môn bài đối với nghĩa vụ chưa thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết này.

3. Xóa tiền chậm nộp của người nộp thuế ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06) tính đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

4. Nghị quyết này không áp dụng đối với:

a) Khoản tiền thuế nợ liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp; khoản tiền thuế nợ liên quan đến vụ việc đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử.

b) Người nộp thuế có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nghĩa vụ thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ việc xử lý lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người nộp thuế thuộc trường hợp phải nộp lệ phí môn bài theo quy định.

2. Người nộp thuế được cơ quan thuế xác định ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế (trạng thái 06).

3. Cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Nguyên tắc xử lý nợ**

1. Bảo đảm đúng đối tượng, đúng điều kiện, công khai, minh bạch; không làm phát sinh thủ tục hành chính riêng đối với việc xử lý nợ theo Nghị quyết này.

2. Việc xử lý tiền chậm nộp quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này phải gắn với kết quả thu hồi đủ khoản tiền thuế nợ gốc phải nộp và việc thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế.

3. Không hoàn trả, bù trừ khoản tiền thuế nợ thuộc phạm vi của Nghị quyết này mà người nộp thuế đã nộp tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước và đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

## Chương II
## XỬ LÝ TIỀN THUẾ NỢ

**Điều 4. Xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài**

1. Xóa khoản nợ lệ phí môn bài phát sinh đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được hạch toán, theo dõi trên Hệ thống thông tin quản lý thuế và tiền chậm nộp của khoản nợ này.

2. Cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu quản lý thuế thực hiện xử lý xóa nợ trên Hệ thống thông tin quản lý thuế đối với các khoản nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 5. Xóa tiền chậm nộp đối với người nộp thuế ở trạng thái 03, trạng thái 06**

1. Xóa số tiền chậm nộp quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này đối với người nộp thuế đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Số tiền chậm nộp phát sinh đến ngày người nộp thuế hoàn thành việc nộp đủ tiền thuế nợ gốc vào ngân sách nhà nước;

b) Số tiền chậm nộp còn nợ trong trường hợp người nộp thuế đã thanh toán đủ hoặc không còn tiền thuế nợ gốc trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Điều kiện xóa tiền chậm nộp

a) Người nộp thuế đã nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, được cơ quan thuế tiếp nhận chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn áp dụng Nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

b) Người nộp thuế đã thanh toán đủ tiền thuế nợ gốc chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn áp dụng Nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này. Trường hợp không còn tiền thuế nợ gốc phải thanh toán thì được xác định là đáp ứng điều kiện này trên cơ sở dữ liệu đã được cơ quan thuế đối chiếu, xác nhận.

Tiền thuế nợ gốc quy định tại Điều này là tiền thuế, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan quản lý thuế thực hiện và các khoản thu khác theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế, không bao gồm khoản nợ lệ phí môn bài được xóa theo Điều 4 Nghị quyết này.

3. Người nộp thuế đã được xóa tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14, khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền đã quyết định xóa nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 không phải thực hiện thủ tục hủy quyết định xóa tiền chậm nộp đã được ban hành.

**Điều 6. Thẩm quyền và trình tự xử lý tiền thuế nợ**

1. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế trực tiếp người nộp thuế hoặc thủ trưởng cơ quan thuế quản lý khoản thu có thẩm quyền xử lý tiền thuế nợ thuộc phạm vi áp dụng của Nghị quyết này.

2. Trình tự xử lý tiền thuế nợ

Cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu quản lý thuế thực hiện xử lý trên Hệ thống thông tin quản lý thuế. Người nộp thuế không phải lập hồ sơ đề nghị xóa tiền thuế nợ quy định tại khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

a) Đối với lệ phí môn bài, tiền chậm nộp lệ phí môn bài

a.1) Cơ quan thuế xác định người nộp thuế thuộc đối tượng được xử lý xóa căn cứ cơ sở dữ liệu quản lý thuế trên Hệ thống thông tin quản lý thuế;

a.2) Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, cơ quan thuế có trách nhiệm hoàn thành việc xử lý xóa trên Hệ thống thông tin quản lý thuế và ban hành quyết định xóa nợ;

Trường hợp người nộp thuế đang bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với số tiền nợ lệ phí môn bài, tiền chậm nộp lệ phí môn bài thuộc phạm vi áp dụng của Nghị quyết này, cơ quan thuế thực hiện chấm dứt hiệu lực của biện pháp cưỡng chế đang áp dụng đối với số tiền thuế nợ đã được xử lý xóa;

a.3) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả xử lý, cơ quan thuế thông báo kết quả qua tài khoản thuế điện tử của người nộp thuế. Cơ quan thuế đồng thời công khai danh sách người nộp thuế được xử lý trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế. Danh sách công khai gồm: tên người nộp thuế; mã số thuế; địa chỉ; số tiền lệ phí môn bài và số tiền chậm nộp đã được xử lý xóa nợ;

b) Đối với tiền chậm nộp của người nộp thuế ở trạng thái 03, trạng thái 06 quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này:

b.1) Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế, dữ liệu về trạng thái đăng ký thuế, số tiền thuế nợ, chứng từ thanh toán và thông tin có liên quan để kiểm tra điều kiện, xác định số tiền chậm nộp thuộc phạm vi được xóa. Việc tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và yêu cầu bổ sung hồ sơ đăng ký thuế thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế, không yêu cầu người nộp thuế lập hồ sơ đề nghị xóa nợ riêng;

b.2) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có đủ hồ sơ hợp lệ và căn cứ xác định người nộp thuế đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 5, cơ quan thuế phê duyệt và điều chỉnh giảm số tiền chậm nộp thuộc phạm vi được xóa theo Nghị quyết này trên Hệ thống thông tin quản lý thuế. Không điều chỉnh giảm khoản tiền chậm nộp thuộc trường hợp loại trừ quy định tại khoản 4 Điều 1;

b.3) Sau khi điều chỉnh giảm tiền chậm nộp, cơ quan thuế giải quyết việc khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định của pháp

luật về quản lý thuế. Thời gian xử lý xóa tiền chậm nộp được thực hiện trong quá trình giải quyết hồ sơ đăng ký thuế và không làm kéo dài thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định;

b.4) Cơ quan thuế thông báo kết quả xử lý tiền chậm nộp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, theo phương thức quy định tại điểm a.3 khoản này. Trường hợp không đủ điều kiện xóa tiền chậm nộp, cơ quan thuế thông báo rõ lý do cho người nộp thuế. Định kỳ hằng tháng, cơ quan thuế công khai danh sách người nộp thuế được xử lý trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế, gồm: tên người nộp thuế; mã số thuế; địa chỉ; số tiền chậm nộp được xử lý.

3. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế

Thủ trưởng cơ quan thuế quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức kiểm tra, đối chiếu, phê duyệt và cập nhật kết quả xử lý tiền thuế nợ trên Hệ thống thông tin quản lý thuế; chịu trách nhiệm về đối tượng, điều kiện, số tiền và dữ liệu xử lý. Kết quả phê duyệt điện tử được xác thực theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, gắn với danh sách người nộp thuế và số tiền được xóa, là căn cứ điều chỉnh giảm nghĩa vụ trên hệ thống. Cơ quan thuế lưu giữ đầy đủ dữ liệu, chứng từ, kết quả phê duyệt và lịch sử điều chỉnh để phục vụ kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại và trao đổi thông tin theo quy định.

4. Trường hợp phát hiện việc xóa nợ không đúng đối tượng, điều kiện hoặc số tiền, Thủ trưởng cơ quan thuế có thẩm quyền xử lý theo khoản 1 Điều này ban hành quyết định thu hồi hoặc điều chỉnh kết quả xử lý; khôi phục khoản nợ đã xóa không đúng và xác định lại tiền chậm nộp theo pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan thuế thông báo quyết định cho người nộp thuế, cập nhật hệ thống, điều chỉnh thông tin đã công khai và xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

## Chương III
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Quốc hội thông qua; các chính sách quy định tại Nghị quyết được áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2028, trừ việc tiếp tục giải quyết hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này và việc kiểm tra, xử lý kết quả xóa nợ không đúng quy định tại khoản 4 Điều 6.

2. Người nộp thuế thuộc trường hợp phải khai, nộp lệ phí môn bài đối với nghĩa vụ phát sinh đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 nhưng chưa thực hiện khai,

nộp và chưa được hạch toán trên Hệ thống thông tin quản lý thuế thì không phải khai, nộp lệ phí môn bài và không bị tính tiền chậm nộp đối với nghĩa vụ này.

3. Trường hợp chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2028, người nộp thuế đã nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ được cơ quan thuế tiếp nhận theo điểm a khoản 2 Điều 5 và đã đáp ứng điều kiện về thanh toán tiền thuế nợ gốc theo điểm b khoản 2 Điều 5, nhưng cơ quan thuế chưa hoàn thành việc xử lý tiền chậm nộp hoặc giải quyết hồ sơ khôi phục mã số thuế, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, thì cơ quan thuế tiếp tục giải quyết theo Nghị quyết này.

4. Chính phủ tổ chức thực hiện Nghị quyết này, không đặt thêm điều kiện, hồ sơ hoặc thủ tục hành chính đối với người nộp thuế ngoài quy định của Nghị quyết. Việc khôi phục mã số thuế, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và các nội dung quản lý thuế không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế. Chính phủ xử lý nghiêm hành vi lợi dụng chính sách để trốn thuế, gian lận thuế hoặc chiếm đoạt tiền thuế và báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện tại kỳ họp cuối năm 2028.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Kiểm toán nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Trần Thanh Mẫn**